

[Làm quen với OJ]. Bài 1. Print Hello World !

Nhiệm vụ của bạn ở bài tập này rất đơn giản, bạn hãy nhập vào 1 số nguyên x và in ra 3 dòng : Dòng 1 là số x bạn vừa nhập từ bàn phím, Dòng 2 in ra dòng chữ "Hello World !" và dòng 3 in ra "28tech C++ programming !"

Input Format

1 dòng duy nhất chứa số nguyên x

Constraints

$1 \leq x \leq 1000$;

Output Format

In ra 3 dòng theo yêu cầu

Sample Input 0

```
5
```

Sample Output 0

```
5
Hello World !
28tech C++ programming !
```

[Làm quen với OJ]. Bài 2. Print number

Đề bài yêu cầu bạn nhập : Dòng 1 là số nguyên X, dòng 2 là số nguyên Y, dòng 3 là kí tự C, dòng 4 là số thực float F, dòng 5 là số thực double D. Nhiệm vụ của bạn là in ra 5 dòng. Dòng 1 in X, dòng 2 in Y, dòng 3 in C, dòng 4 in F với 2 số đằng sau dấu phẩy, dòng 5 in D với 9 số sau dấu phẩy.

Chú ý : Bài này đối với Java, trước khi `sc.nextLine().charAt(0)` để nhập kí tự C bạn phải thêm 1 câu lệnh `sc.nextLine()` ở dòng trên để hàm này đọc kí tự xuống dòng ở dòng số 2 nếu không sẽ bị sai.

Input Format

5 dòng lần lượt là X, Y, C, F, D

Constraints

$-10^9 \leq X \leq 10^9$; $-10^{18} \leq Y \leq 10^{18}$; C là kí tự in hoa hoặc in thường; $-10^6 \leq F \leq 10^6$; $-10^9 \leq D \leq 10^9$;

Output Format

In ra 5 dòng theo yêu cầu

Sample Input 0

```
614  
999999999999990528  
G  
19.088  
2.9648
```

Sample Output 0

```
614  
9999999999999990528  
G  
19.09  
2.964800000
```

[Làm quen với OJ]. Bài 3. Print expression

Cho 4 số X, Y, Z, T là số nguyên được nhập từ bàn phím. Bạn hãy in ra 3 dòng, dòng 1 lần lượt 4 số Y,Z,X,T mỗi số cách nhau một dấu phẩy, dòng 2 in ra tổng 4 số, dòng 3 in ra giá trị của biểu thức $X - Y + Z * T$. (Chú ý giá trị của tích $Z * T$ và giá trị của tổng 4 số có thể tràn kiểu dữ liệu int)

Input Format

1 dòng chứa 4 số X, Y, Z, T

Constraints

$$1 \leq X, Y, Z, T \leq 10^9$$

Output Format

In ra theo yêu cầu đầu bài

Sample Input 0

93 9 93 98

Sample Output 0

9,93,93,98
293
9198

[Làm quen với OJ]. Bài 4. Hàm pow

Cho 2 số x, y . Nhiệm vụ của bạn là tính x^y

Input Format

1 dòng chứa 2 số nguyên dương x, y viết cách nhau một dấu cách

Constraints

$1 \leq x, y \leq 12$;

Output Format

In ra x^y , nếu x^y có phần thập phân thì in ra 2 số sau dấu phẩy, nếu không có phần thập phân thì không cần in.

Sample Input 0

2 2

Sample Output 0

4

Sample Input 1

4 1

Sample Output 1

4

[Làm quen với OJ]. Bài 5. Hàm sqrt và cbrt

Cho số nguyên dương N , nhiệm vụ của bạn là tính căn bậc 2 và căn bậc 3 của N .

Input Format

Dòng duy nhất chứa số nguyên dương N

Constraints

$1 \leq N \leq 10^9$;

Output Format

Dòng 1 in ra căn bậc 2 của n với 2 số sau dấu phẩy; Dòng 2 in ra căn bậc 3 của n với 3 số sau dấu phẩy;

Sample Input 0

65

Sample Output 0

8.06

4.021

Sample Input 1

15

Sample Output 1

3.87
2.466

[Làm quen với OJ]. Bài 6. Hàm ceil, floor, round

Hàm ceil : làm tròn lên số nguyên gần nhất, floor : làm tròn xuống số nguyên gần nhất, round : làm tròn số nguyên phụ thuộc vào phần thập phân. Cho số thực X nhiệm vụ của bạn là sử dụng 3 hàm trên để tìm số nguyên nhỏ hơn gần X nhất, số nguyên lớn hơn gần X nhất, số nguyên gần X nhất. Nên nhớ hàm ceil, floor, round trả về số double, các bạn in ra kết luôn hàm ceil, round, floor đối với số nhỏ thì không vấn đề gì nhưng với số lớn nó có thể xuất hiện số 0 ở sau. Ví dụ cout << ceil(1000000) << endl; kết quả in ra sẽ là 1000000.0

Input Format

Dòng duy nhất chứa số thực X

Constraints

$1 \leq X \leq 10^6$;

Output Format

In ra 3 số trên 3 dòng

Sample Input 0

3.59

Sample Output 0

3
4
4

Sample Input 1

5.58

Sample Output 1

5
6
6

[Làm quen với OJ]. Bài 7. Chữ số cuối cùng và 2 chữ số cuối cùng

Cho nguyên dương N , bạn hãy sử dụng phép chia dư để lấy ra chữ số cuối cùng và 2 chữ số cuối cùng của N . Gợi ý : Để lấy chữ số cuối cùng của N bạn chỉ cần lấy N chia dư cho 10. Ví dụ $N = 1234 \% 10 = 4$. Tương tự để lấy 2 chữ số cuối cùng của N bạn chỉ cần lấy N chia dư cho 100. Ví dụ $N = 1234 \% 100 = 34$

Input Format

1 dòng duy nhất chứa số nguyên dương N

Constraints

$100 \leq N \leq 10^{18}$

Output Format

Dòng 1 in ra chữ số cuối cùng; Dòng 2 in ra 2 chữ số cuối cùng, nếu 2 chữ số cuối cùng của N có số 0 ở đầu thì bạn bỏ đi số 0 đó và chỉ in ra số cuối cùng.

Sample Input 0

```
1005
```

Sample Output 0

```
5
5
```

[Làm quen với OJ]. Bài 8. Phép chia

Trong ngôn ngữ lập trình như C, C++, Java khi bạn sử dụng 2 số nguyên để chia cho nhau thì kết quả của phép chia đó chỉ dữ lại phần nguyên cho dù bạn có để kết quả ở số thực như float hay double. Ví dụ $a = 10$, $b = 3$ thì phép chia a / b sẽ có kết quả là 3 thay vì 3.3333, để lấy được phần thập phân khi chia 2 số nguyên cho nhau bạn cần thực hiện ép kiểu a hoặc b , hoặc cả 2 và b sang dạng số thực trước khi chia. Ví dụ $\text{float } c = (\text{float}) a / b$ thì khi đó $c = 3.3333$

Input Format

1 dòng duy nhất chứa lần lượt 2 số nguyên b và a ;

Constraints

$1 \leq a, b \leq 1000$;

Output Format

Dòng 1 in ra thương của a / b khi sử dụng phép chia nguyên; Dòng 2 in ra thương của a / b khi sử dụng phép chia lấy phần thập phân với độ chính xác 2 số sau dấu phẩy.

Sample Input 0

```
30 70
```

Sample Output 0

```
2  
2.33
```

Sample Input 1

```
39 259
```

Sample Output 1

```
6  
6.64
```

[Làm quen với OJ]. Bài 9. Xóa số

Cho số nguyên dương N có ít nhất 5 chữ số, nhiệm vụ của bạn là xóa đi 3 chữ số cuối cùng của N và in ra những chữ số còn lại. Ví dụ $N = 12345$ sau khi xóa đi 3 chữ số cuối cùng thì $N = 12$. Gợi ý, đối với phép chia nguyên nếu bạn muốn xóa đi 1 chữ số cuối cùng chỉ cần lấy N chia nguyên cho 10, ví dụ $N = 12345 / 10 = 1234$, tương tự $N = 12345 / 100 = 123$, $N = 12345 / 1000 = 12....$

Input Format

Dòng duy nhất chứa số nguyên dương N

Constraints

$$10000 \leq N \leq 10^{18}$$

Output Format

In ra N sau khi xóa đi 3 chữ số cuối cùng

Sample Input 0

```
99999999999999993728
```

Sample Output 0

```
9999999999999999
```

[Làm quen với OJ]. Bài 10. Phép chia dư

Khi bạn chia dư 1 số cho số nguyên N thì số dư của phép chia đó sẽ là các số từ 0 tới $N - 1$. Ví dụ khi bạn chia cho 5 thì phép chia có số dư có thể là 0, 1, 2, 3, 4. Bài toán này yêu cầu các bạn nhập 2 số a và b sau đó tìm phép dư khi chia a cho b.

Input Format

Dòng duy nhất chứa 2 số nguyên a, b, giữa a và b chứa 5 dấu cách

Constraints

$1 \leq a, b \leq 10^6$;

Output Format

In ra số dư khi chia a cho b

Sample Input 0

```
806      605
```

Sample Output 0

```
201
```

[Làm quen với OJ]. Bài 11. Nhân chia

Cho số nguyên N hãy in ra kết quả của những phép toán sau : Dòng 1. In ra 2 lần số N, Dòng 2. In ra 10 lần số N, Dòng 3. In ra kết quả của phép chia nguyên của N với 2, Dòng 4. In ra kết quả của phép chia lấy phần thập phân của N với 2, in ra 3 chữ số phần thập phân.

Input Format

Dòng duy nhất chứa số nguyên dương N

Constraints

$1 \leq N \leq 10^9$

Output Format

In ra 4 dòng theo yêu cầu, mỗi kết quả cách nhau thêm 1 dòng trống, xem output để rõ hơn yêu cầu.

Sample Input 0

```
570
```

Sample Output 0

```
1140
```

5700

285

285.000

[Làm quen với OJ]. Bài 12. Hàm F(x, y)

Cho $F(x, y) = 5 * x + 2 * y + x * y$, với x, y được nhập từ bàn phím hãy in ra kết quả của F(x, y). Mỗi khi tính toán kết quả phải chú ý tới giới hạn của bài toán, để xác định xem kết quả của bài toán sẽ nằm tới ngưỡng nào để lựa chọn kiểu dữ liệu cho phù hợp.

Input Format

Dòng duy nhất chứa 2 số x, y trên 1 dòng.

Constraints

x, y là số nguyên; $1 \leq x, y \leq 10^6$;

Output Format

In ra kết quả của hàm F(x, y)

Sample Input 0

6 3

Sample Output 0

54

[Làm quen với OJ]. Bài 13. Lớn nhất, nhỏ nhất

Cho 4 số nguyên x, y, z, t. Như bạn đã biết, để tìm số lớn nhất và nhỏ nhất trong 2 số ta có thể sử dụng hàm max, min của thư viện math. Ngoài ra để tìm max, min của nhiều số bạn có thể sử dụng hàm max, min của thư viện , ví dụ để tìm max của a, b, c có thể dùng $\max(\{a, b, c\})$, chú ý đặt các biến vào trong ngoặc nhọn nếu muốn tìm max, min của 3 số trở lên. Bài toán yêu cầu bạn tìm những số sau : Dòng 1 in ra số lớn hơn trong 2 số x, y. Dòng 2 in ra số nhỏ hơn trong 2 số z, t. Dòng 3 in ra số lớn nhất trong 3 số x, y, z. Dòng 4 in ra số nhỏ nhất trong 4 số x, y, z, t. Ví dụ tìm max, min của 3 số :

```
#include <algorithm>

int a = 20, b = 30, c = 40;
cout << max({a, b, c}) << endl;
```



```
cout << min({a, b, c}) << endl;
```

Input Format

4 số x, y, z, t lần lượt trên 4 dòng.

Constraints

$1 \leq x, y, z, t \leq 1000$;

Output Format

In ra 4 dòng theo yêu cầu.

Sample Input 0

```
586
617
778
37
```

Sample Output 0

```
617
37
778
37
```

[Làm quen với OJ]. Bài 14. Number in range

Cho 2 số a và b, nhiệm vụ của bạn là in ra số lượng số nguyên tính từ a đến b.

Input Format

Dòng duy nhất chứa 2 số nguyên a và b.

Constraints

$1 \leq a \leq b \leq 10^{12}$

Output Format

In ra kết quả của bài toán

Sample Input 0

```
14 19
```

Sample Output 0

```
6
```

[Làm quen với OJ]. Bài 15. Mua vở

28tech đi mua vở, anh ta có N đồng, mỗi quyển vở có giá X đồng. Hỏi anh ta mua được tối đa bao nhiêu quyển vở ? Ví dụ anh ta có 15 đồng và mỗi quyển vở có giá 6 đồng thì anh ta mua được 2 quyển, vậy trong lập trình bạn tính như thế nào ?

Input Format

1 dòng duy nhất chứa 2 số nguyên N và X

Constraints

$1 \leq X \leq 1000$; $0 \leq N \leq 10^{12}$;

Output Format

In ra số lượng số sách mua được kèm theo 1 số lời dẫn và dấu chấm than. Xem output để rõ hơn yêu cầu.

Sample Input 0

```
142 43
```

Sample Output 0

```
SO VO MUA DUOC LA : 3 !!!!!
```

Sample Input 1

```
487 12
```

Sample Output 1

```
SO VO MUA DUOC LA : 40 !!!!!
```

[Làm quen với OJ]. Bài 16. Cout

Bài tập này rất đơn giản, bạn được yêu cầu nhập vào 4 số x, y, z, t và in ra theo mẫu. Dòng 1 : In ra x, y, z, t mỗi số cách nhau 2 khoảng trắng. Dòng 2 in ra y, z, x, t mỗi số cách nhau 2 dấu gạch giữa. Dòng 3 in ra $2 * x$, $3 * y$, $4 * z$, $5 * t$ cách nhau 1 dấu phẩy. Dòng 4 in ra "KET THUC !!". Giữa các dòng có 1 dòng trống

Input Format

1 dòng duy nhất chứa 4 số nguyên x, y, z, t viết cách nhau 10 dấu cách (Thực ra thì cin nó bỏ qua tất cả mọi dấu cách nên 10 hay 1 dấu cách thì bạn vẫn nhập như bình thường)

Constraints

$1 \leq x, y, z, t \leq 10^9$;

Output Format

In ra kết quả của bài toán

Sample Input 0

```
8      9      2      10
```

Sample Output 0

```
8  9  2  10
```

```
9--2--8--10
```

```
16,27,8,50
```

```
KET THUC !!
```

Sample Input 1

```
2      2      9      9
```

Sample Output 1

```
2  2  9  9
```

```
2--9--2--9
```

```
4,6,36,45
```

```
KET THUC !!
```

[Làm quen với OJ]. Bài 17. Chu vi và diện tích HCN

- [Problem](#)
- [Submissions](#)
- [Discussions](#)

Nhập vào chiều dài và chiều rộng của HCN bạn hãy in ra chu vi và diện tích của HCN đó theo yêu cầu.

Chú ý tích diện tích có thể bị tràn

Input Format

- 1 dòng duy nhất gồm chiều dài và chiều rộng

Constraints

- Chiều dài, rộng là số nguyên dương không quá 10^6

Output Format

In ra chu vi, diện tích theo mẫu

Sample Input 0

39 22

Sample Output 0

Chu vi HCN là : 122

Diện tích HCN là : 858

[Làm quen với OJ]. Bài 18. Hoán vị giá trị 2 số

- [Problem](#)
- [Submissions](#)
- [Discussions](#)

Cho 2 số nguyên a, b bạn hãy hoán đổi giá trị 2 số a và b sau đó tính giá trị biểu thức $128 * a + 97 * b + 1000$ in ra màn hình. Để hoán đổi giá trị a, b bạn có thể dùng `swap(a, b)` hoặc dùng biến tạm như sau : `int tmp = a; a = b; b = tmp;`

Input Format

- Dòng duy nhất gồm 2 số a, b

Constraints

- $0 \leq a, b \leq 10^9$

Output Format

In ra a, b sau khi hoán đổi giá trị

Sample Input 0

12 16

Sample Output 0

4212

[Làm quen với OJ]. Bài 19. Phần thập phân

- [Problem](#)

- [Submissions](#)
- [Discussions](#)

Cho số thực F, nhiệm vụ của bạn hãy in ra phần thực và phần nguyên của F

Input Format

Dòng duy nhất chứa số thực F

Constraints

$-10^6 \leq F \leq 10^6$

Output Format

Dòng 1 in ra phần nguyên Dòng 2 in ra phần thực với 2 số sau dấu phẩy

Sample Input 0

9.73

Sample Output 0

9

0.73

[Làm quen với OJ]. Bài 20. Cout 2

- [Problem](#)
- [Submissions](#)
- [Discussions](#)

Cho số N, bạn hãy in ra số N với 6 chữ số, nếu N không đủ 6 chữ số thì tiến hành chèn 0 và dấu # vào đầu cho đủ 6 chữ số.

Gợi ý dùng

```
cout << setw(K) << setfill(kí tự) << N << endl;
```

Trong đó K là độ rộng số chữ số bạn muốn in ra, thêm thư viện chứa setw và setfill. Tìm kiếm google nếu cần thiết : setfill function library c++

Input Format

Dòng duy nhất chứa số N

Constraints

$$0 \leq N < 10^6$$

Output Format

Dòng 1 in ra N với số 0 được chèn vào trước

Dòng 2 in ra N với dấu # được chèn vào trước

Sample Input 0

```
850
```

Sample Output 0

```
000850
```

```
###850
```

[Kiểu dữ liệu-IF ELSE]. Bài 0. Xác định giá trị của biểu thức so sánh

- [Problem](#)
- [Submissions](#)
- [Discussions](#)

Bạn hãy in ra kết quả của 10 phép so sánh sau trên 10 dòng. Lưu ý bạn phải tự xác định giá trị của chúng mà không được dựa vào việc chạy code. Đối với mỗi kết quả in ra True hoặc False

- 1. $20 \geq 30$
- 2. $30 > 30$
- 3. $10 \leq 15$
- 4. $10 \neq 15$

-

5. $10 \neq 10$

-

6. $100 < 100$

-

7. $20 \geq 100$

-

8. $10 \leq (20 - 30)$

-

9. $100 == 20 * 5$

-

10. $(100 - 20) \geq (20 * 4)$

Input Format

Không có input

Constraints

N/A

Output Format

In ra 10 dòng tương ứng với kết quả của 10 phép so sánh trên